TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Nga**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Cẩm**.

2/ Bà **Tạ Thị Nhuần**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lâm Diệu Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Trúc Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phan Thị Mỹ L**, sinh năm 1997. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Hoàng S**, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: khu N, thị trấn X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 16/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ L trình bày: Chị và anh Nguyễn Hoàng S thành hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Đồng Tháp ngày 08/8/2017. Vợ chồng sống chung thời gian

đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Hiện tại hai vợ chồng không còn sống chung và đã ly thân khoảng 02 năm nay. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S. Về con chung, thời gian chị và anh S sống chung có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 10/10/2017 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng S đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác nhưng anh S không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Toà án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia đầy đủ các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S.

- Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 10/10/2017 cho chị Phan Thị Mỹ L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hoàng S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Mỹ L có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ L vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hoàng S vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phan Thị Mỹ L và anh Nguyễn Hoàng S thành hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Đồng Tháp ngày 08/8/2017 nên xem đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, giữa chị Phan Thị Mỹ L và anh Nguyễn Hoàng S có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhiều lần nhưng anh S vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, chứng tỏ anh S không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Giữa chị Phan Thị Mỹ L và anh Nguyễn Hoàng S có

01 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 10/10/2017, hiện đang sống chung với chị L, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu P từ trước đến nay sống chung với chị L, cháu được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, cháu được học hành đầy đủ và anh S không có ý kiến gì về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy để ổn định cuộc sống của cháu P cần nên giao con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 10/10/2017 cho chị Phan Thị Mỹ L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị Phan Thị Mỹ L là người đang trực tiếp nuôi con nhưng chị L không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng S nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị Mỹ L và anh Nguyễn Hoàng S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Mỹ L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 10/10/2017 cho chị Phan Thị Mỹ L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hoàng S không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị Mỹ L có nghĩa vụ nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003983 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, chị L đã nộp đủ.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P, huyện M, tỉnh Đồng Tháp (GCNKH số 50 ngày 08/8/2017);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga